

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ kiểm định các thiết bị điện năm 2026 cho Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát.

Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát có địa chỉ ở bản Nà Khiết, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu (Công ty HQBC).

Địa điểm thực hiện: Tại Nhà máy Thủy điện Bản Chát thuộc xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu và Nhà máy Thủy điện Huội Quảng thuộc xã Chiềng Lao, tỉnh Sơn La.

Nguồn vốn: Vốn SXKD năm 2026 do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp.

Thời gian thực hiện gói thầu: 8 tháng.

2. Mục tiêu công việc của gói thầu

Nhà thầu thực hiện kiểm định thiết bị điện khu vực Nhà máy Thủy điện Huội Quảng và Nhà máy Thủy điện Bản Chát theo TCVN và quy trình, quy định hiện hành và phù hợp, đáp ứng theo các yêu cầu, quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu kỹ thuật

- Nhà thầu phải có biện pháp tổ chức thực hiện kiểm định, tiến độ phù hợp, các công việc chuẩn bị, phối hợp trước, trong và sau khi thực hiện kiểm định nhà thầu đề xuất hợp lý, phù hợp có lợi nhất cho chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải bảo quản hồ sơ thiết bị khi chủ đầu tư giao, phê chuẩn kết quả kiểm định và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xây dựng lại, có ghi rõ lý do xây dựng lại trong lý lịch mới khi Nhà thầu làm thất lạc hồ sơ gốc.

- Nhà thầu phải tự chịu chi phí sinh hoạt, ăn, nghỉ trong quá trình thực hiện dịch vụ kiểm định.

- Cung cấp đầy đủ các Giấy chứng nhận/Quyết định là đơn vị có chức năng kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các thiết bị nêu tại E-HSMT theo quy định của Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Quy định về điều kiện kinh doanh và đánh giá sự phù hợp và Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025,... đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.

- Nhà thầu phải có đủ nhân sự theo quy định của Pháp Luật và sắp xếp nhân sự, chuẩn bị máy móc thiết bị kiểm định vận chuyển đến nhà máy của Công ty HQBC. Thực hiện kiểm định các thiết bị điện tại khu vực Thủy điện Huội Quảng và Nhà máy Thủy điện Bản Chát theo TCVN và quy trình, quy định hiện hành và phù hợp các yêu cầu kỹ thuật chất lượng công việc. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên mời thầu về tính chính xác của kết quả thí nghiệm, kiểm định.

- Chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn (ATVSLĐ-PCCN- Môi trường) cho nhân sự của nhà thầu trong quá trình thực hiện công việc và cung cấp dịch vụ, an toàn, vệ sinh không ảnh hưởng đến sản xuất của bên mời thầu. Trường hợp do lỗi của nhà thầu làm thiệt hại đến bên mời thầu thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi hoàn hoặc phải chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng tùy theo mức độ thiệt hại gây nên.

- Thực hiện kiểm định thiết bị điện tại Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát năm 2026 theo các danh mục sau:

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện (ngày/đợt)
1	Chống sét van: CS9T2 (Chống sét 13,8kV)			
2	Máy biến áp : T2; Kiểu MBA: SF9-130000/220, 3 pha, 2 cuộn dây ngâm trong dầu; Hãng chế tạo: TBEA; Công suất định mức: 130000 kVA; Điện áp: 13,8/220kV;	Cái	3	Theo lịch tách thiết bị ra sửa chữa lớn (Dự kiến 01/04/2026 đến 20/04/2026)
3	Máy biến áp: TD92; Kiểu MBA: Ba pha hai cuộn dây, kiểu khô cách điện, làm mát tự nhiên; Công suất định mức: 1600 kVA; Điện áp: 13,8/0,4kV	Cái	1	
4	Máy biến áp kích từ: TE2; Mã hiệu: ZLSCB-1500/13.8; Kiểu: Kiểu khô, 3 pha; Công suất định mức: 1500 kVA; Điện áp: 13,8/0,65kV	Cái	1	
5	Máy cắt đầu cực: 902; Loại máy cắt: Hợp bộ 3 pha, cách điện bằng khí SF6; Hãng chế tạo: AREVA; Kiểu: FKG2S	Cái	1	
6	Dao cách ly đầu cực: 902-3 (902-38); Dòng điện làm việc định mức: 6.3kA; (hợp bộ với MC902)	Bộ	1	
7	Dao tiếp địa đầu cực: 902-05. Dòng điện làm việc định mức: 6.3kA; (hợp bộ với MC902)	Bộ	1	Thực hiện vào đợt 1
8	Dao cách ly tiếp địa 1 phía: 942-3/942-38; Kiểu loại: SC300RB; Kiểu: Ba pha, kiểu chém đặt trong nhà; Điện áp định mức: 24 kV; Dòng điện định mức: 3150A	Bộ	1	
9	Chống sét van CS371A, CS371B + Điện áp định mức: 51kV + Dòng điện định mức: 5kA	Cái	06	
10	Máy biến áp TD33 + Tỉ số biến: 35±2x2,5%/0,4 kV + Công suất: 1600kVA + Tổ nối dây: Dyn-11	Cái	01	Theo lịch tách thiết bị ra sửa chữa lớn (Dự kiến 20/5/2026 đến 31/5/2026)
11	Máy cắt 371 + Điện áp định mức: 40,5kV; + Dòng điện định mức: 630A.	Bộ	01	
12	Dao tiếp địa 371-38 + Điện áp định mức: 40,5kV; + Dòng điện định mức: 31,5kA.	Bộ	01	
13	Dao cách ly tiếp địa 1 phía 371-7/371-75 + Điện áp định mức: 40,5kV; + Dòng điện định mức: 1250A.	Bộ	01	

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện (ngày/đợt)
14	Cáp lực từ DCL 371-7 đến máy cắt 371 + Kiểu loại: XLPE; + Điện áp định mức: 35kV; + Cấu trúc 3x50mm2	Sợi	01	
15	Cáp lực từ TU333 đến MBA TD33 + Kiểu loại: XLPE; + Điện áp định mức: 35kV; + Cấu trúc 3x50mm2	Sợi	01	
16	Dao cách ly tiếp địa 1 phía 231-3/231-38, 271-3/271-35, 271-1/271-15, 273-4/273-45, 273-1/273-15: + Điện áp định mức: 245kV; + Dòng điện định mức: 2000A.	Bộ	5	Theo lịch tách thiết bị ra tiêu tu (Dự kiến 01/11/2026 đến 10/11/2026)
17	Dao cách ly tiếp địa 2 phía 271-7/271-74/271-76, TUC23-3/TUC23-38: + Điện áp định mức: 245kV; + Dòng điện định mức: 2000A.	Bộ	2	
18	Dao tiếp địa 231-34 + Điện áp định mức: 245kV; + Dòng điện xả: 50kA/3s.	Bộ	1	
19	Máy cắt 271, 273: + Điện áp định mức: 245kV; + Dòng điện định mức: 2000A.	Bộ	2	
20	Chống sét van CSC23, CS271 + Điện áp định mức: 200kV + Dòng điện định mức: 10kA	Bộ	2	
21	Sào cách điện + Hãng/kiểu loại: Tuf-Poles/ TP-3018; + Điện áp sử dụng: 220kV; + Quy cách: Sào lồng rút 03 khúc với chiều dài ngắn nhất 2,08 mét, chiều dài lớn nhất 5,49 mét.	Cái	02	31/5/2026
22	Máy cắt: 200, 232, 272, 274; Điện áp/ dòng điện: 252KV/4000A, lắp đặt ngoài trời.	Bộ	4	Theo lịch tách thiết bị ra sửa chữa lớn (Dự kiến từ 01/10/2026 đến 25/10/2026)
23	Dao cách ly tiếp địa 1 phía: 200-9/200-94; 200-2/200-25; 232-2/232-25; 272-2/272-25, 274-2/274-25), loại 3 pha lắp đặt ngoài trời; Dòng điện định mức: 2500A; Điện áp định mức: 252kV	Bộ	6	
24	Dao cách ly tiếp địa 1 phía; 200-1/200-14; loại 3 pha lắp đặt ngoài trời; Dòng điện định mức:	Bộ	1	

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện (ngày/đợt)
	2000A; Điện áp định mức: 252kV			
25	Dao cách ly tiếp địa 2 phía: 200-4/200-44/200-45; 232-3/232-35/232-38; 272-7/272-75/272-76; 274-7/274-75/274-76. Loại 3 pha lắp đặt ngoài trời; Dòng điện định mức: 2500A; Điện áp định mức: 252kV	Bộ	4	
26	Dao cách ly tiếp địa 2 phía: 200-4/200-44/200-45. Loại 3 pha lắp đặt ngoài trời; Dòng điện định mức: 2000A; Điện áp định mức: 252kV	Bộ	1	
27	Dao cách ly: 232-1; 232-9; 272-1; 272-9; 274-1; 274-9; Kiểu: JW - 252; Điện áp định mức: 252kV; Dòng điện định mức: 2500A	Bộ	6	
28	Chống sét van: CSV232A, CSV232B, CS272, CS274. Điện áp định mức: 192kV; Dòng điện xả định mức: 10kA.	Cái	12	
29	Máy biến áp TD33, TD34, TD35: + Tỉ số biến: 35/0,4 kV	Cái	3	Theo lịch tách thiết bị ra sửa chữa lớn (Dự kiến từ 01/10/2026 đến 25/10/2026)
30	Dao tiếp địa CC-TD35-38, CC-TD34-38, 371-38 + Điện áp định mức: Ur = 40,5 kV; + Dòng điện ngắn mạch định mức: Ir = 25 kA (4s)	Bộ	3	
31	Chống sét van CS371A, CS371B, CS372A, CS372B, CS373A, CS373B Ur: 51kV, Uc: 40,8kV, In: 10kA;	Cái	18	
32	Máy cắt 371, 379/102 + Điện áp định mức 38kV	Bộ	6	
33	Dao cách ly 379-1/102, CC-TD35, 381-7/148/1, CC-TD34 + Điện áp định mức: Ur = 35 kV; + Dòng điện định mức: Ir = 630A	Bộ	03	
34	Cáp lực từ CS371 đến TU333, từ MC371 đến MBA TD33, cáp lực từ TD34 đến CC-TD34, từ CC-TD34 đến CS373A, cáp lực từ TD35 đến CC-TD35, Cáp lực từ CC-TD35 đến CS372A - Tiết diện: 3x50mm ² - Điện áp: 26/35kV	Sợi	06	
35	Sào cách điện + Hãng/kiểu loại: Tuf-Poles/ TP-3018; + Điện áp sử dụng: 220kV; + Quy cách: Sào lồng rút 03 khúc với chiều dài ngắn nhất 2,08 mét, chiều dài lớn nhất 5,49 mét.	Cái	02	31/5/2026

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện (ngày/đợt)
36	Sào cách điện + Hăng/kiểu loại: Tuf-Poles/ TP-3015; + Điện áp sử dụng: 110kV; + Quy cách: Sào lồng rút 03 khúc với chiều dài ngắn nhất 1,78 mét, chiều dài lớn nhất 4,57 mét.	Cái	02	
37	Chi phí thực hiện kiểm định đã bao gồm chi phí đi lại, ăn ở, vận chuyển thiết bị vật tư phục vụ kiểm định	Lần	4	Theo lịch cắt điện

Ghi chú:

+ Thời gian ngày kiểm định chính xác từng đợt Công ty sẽ thông báo chính thức cho Nhà thầu trong thời hạn tối thiểu 05 ngày trước khi thực hiện.

Đợt 1 không thực hiện không quá 20 ngày/đợt 1 và xong trước ngày 21/4/2026.

Đợt 2 không thực hiện không quá 12 ngày/đợt 2 và xong trước ngày 31/5/2026.

Đợt 3 không thực hiện không quá 26 ngày/đợt 3 và xong trước ngày 26/10/2026.

Đợt 4 không thực hiện không quá 11 ngày/đợt 4 và xong trước ngày 11/11/2026.

Thời gian Phụ thuộc kế hoạch sửa chữa tiểu tu, đại tu tổ máy của 02 nhà máy thủy điện Bản Chát và Huội Quảng.

+ Việc đi lại các đợt đang tạm tính dự kiến 04 đợt/800km mỗi đợt (nghiệm thu theo thực tế các đợt phát sinh).

4. Giải pháp và phương pháp luận

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm

- Nhà thầu phải cung cấp phiếu kết quả/giấy chứng nhận, biên bản kiểm định theo quy định hiện hành (01 bản gốc cho thiết bị) và dán tem kiểm định trên thiết bị theo quy định.

- Chậm nhất không quá 20 ngày tính từ ngày kết thúc đợt kiểm định, Nhà thầu phải nộp hồ sơ về Bên mời thầu gồm:

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định và tem kiểm định (01 bản gốc cho từng thiết bị);

+ Phiếu kết quả kiểm định theo quy định hiện hành;

- Trường hợp các thiết bị kiểm định không đạt nhà thầu cần cung cấp báo cáo đánh giá nguyên nhân và đề ra biện pháp hướng xử lý cho Bên mời thầu.

- Hồ sơ thanh toán Nhà thầu phải gửi về Bên mời thầu gồm:

- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- + Giấy chứng nhận kết quả kiểm định và tem kiểm định (01 bản gốc cho từng thiết bị).